

Số: 58 /TB-HVCSPT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v thời khóa biểu và lịch đăng ký tín chỉ đợt 2, học kỳ II,
năm học 2022 – 2023 các khóa 10, 11, 12, 13

Căn cứ Chương trình đào tạo và Kế hoạch học tập năm học 2022 – 2023;
Học viện Chính sách và Phát triển thông báo:

1. Thời khóa biểu:

Thời khóa biểu học kỳ II năm học 2022 – 2023, đợt học 2 đối với sinh viên các khóa 10, 11, 12, 13 chi tiết theo *file đính kèm*.

Các lớp Quy đổi điểm: Tiếng Anh, Tin học, Phương pháp nghiên cứu khoa học được mở đăng ký vào đợt học 4 theo thông báo của Học viện.

2. Thời gian giảng dạy:

09 tuần từ ngày 24/04/2023 đến ngày 25/06/2023. Cụ thể tiết học như sau:

BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Tiết 1: Từ 07h30 đến 08h20	Tiết 6: Từ 13h00 đến 13h50
Tiết 2: Từ 08h25 đến 09h15	Tiết 7: Từ 13h55 đến 14h45
Tiết 3: Từ 09h20 đến 10h10	Tiết 8: Từ 14h50 đến 15h40
Tiết 4: Từ 10h15 đến 11h05	Tiết 9: Từ 15h45 đến 16h35
Tiết 5: Từ 11h10 đến 12h00	Tiết 10: Từ 16h40 đến 17h30

3. Lịch đăng ký tín chỉ

- Học viện đã đăng ký mặc định một số học phần bắt buộc cho Sinh viên Khóa 11, 12, 13. **Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả đăng ký học trên trang www.tinchic.apd.edu.vn**. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc tự hủy các học phần được Học viện đăng ký học mặc định, sinh viên hệ đại trà **KHÔNG ĐƯỢC** đăng ký vào các lớp học phần của hệ Chất lượng cao và ngược lại. (Cần tham khảo ý kiến của CVHT trước khi đăng ký hoặc thay đổi lịch học).

- **Sinh viên Khóa 10 hệ đại trà** đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khóa biểu Khóa 10: Từ 19h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 đến 24h00 thứ 6 ngày 21/04/2023.

- **Sinh viên Khóa 11 hệ đại trà** đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khóa biểu Khóa 11: Từ 19h00 thứ 4 ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023.

- **Sinh viên Khóa 12 hệ đại trà** đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khóa biểu Khóa 12: Từ 20h00 thứ 4 ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023.

- **Sinh viên Khóa 13 hệ đại trà** đăng ký các lớp học phần Tiếng Anh thuộc thời khóa biểu Khóa 13: Từ 21h00 thứ 4 ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 (nếu sinh viên chưa quy đổi điểm học phần hoặc chưa có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn thời hạn tính đến ngày 01/05/2023 thì bắt buộc phải đăng ký). Cụ thể như sau:



+ Học phần **Tiếng Anh cơ bản 3**: Sinh viên các chuyên ngành (Kinh tế phát triển; Kế hoạch phát triển; Đầu thầu & quản lý dự án; Đầu tư; Quản lý công; Kinh tế & quản lý công; Tài chính; Ngân hàng; Kế toán kiểm toán) bắt buộc đăng ký.

- **Hệ thống mở cho sinh viên các khóa 9 trở về trước, Khóa 10, 11, 12 đăng ký liên thông**: Từ 19h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 đến 24h00 thứ 6 ngày 21/04/2023.

- **Sinh viên hệ CLC** đăng ký các lớp học phần Từ 19h00 thứ 7 ngày 22/04/2023 đến 24h00 Chủ nhật ngày 23/04/2023.

4. Thời gian xử lý đơn đăng ký/hủy lớp học phần:

Khoa Quản lý sinh viên tiếp nhận đơn từ sinh viên và tổng hợp gửi về Phòng QLĐT đến hết ngày 24/04/2023.

* **Lưu ý**: Yêu cầu sinh viên kiểm tra tài khoản đăng kí trước khi làm đơn. Phòng Quản lý đào tạo chỉ xử lý đơn hủy, và những đơn chưa đăng kí đủ số tín chỉ, ưu tiên sinh viên khóa 10 trở về trước.

5. Hình thức đào tạo: Trực tiếp tại Học viện

Học viện sẽ giảng dạy và học tập trực tiếp toàn bộ các lớp học phần. Trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức dạy trực tiếp tại Học viện, có thể kết hợp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng Google Meet và LMS (do Giám đốc quyết định bằng văn bản).

6. Để đảm bảo công tác giảng dạy được thực hiện đúng kế hoạch, Học viện Chính sách và Phát triển đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

- Trưởng các Khoa/Bộ môn gửi kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy, thông báo đến cố vấn học tập, giảng viên và sinh viên được biết và thực hiện. Kế hoạch phân công giảng viên gửi về Phòng Quản lý đào tạo (đ/c Mạnh) **trước 14h00 thứ 3, ngày 18/04/2023**.

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo chuẩn bị giảng đường, trang thiết bị phục vụ học tập và bố trí cán bộ trực phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị cần chủ động triển khai và phối hợp thực hiện Thời khóa biểu Học kỳ II năm học 2022 - 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần giải quyết các đơn vị báo cáo Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý đào tạo).

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban GD;
- Các đơn vị thuộc H/v (để t/hiện);
- Bộ phận quản lý website (đăng thông tin);
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (2 bản).

TL. GIÁM ĐỐC
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Thị Đông

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 57 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

[illegible]

[illegible]

**THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 57 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
1	Bảo hiểm(2_2223_2)_01	70	5			8-10	C608					1-2	C605														
2	Bảo hiểm(2_2223_2)_02	70	5			6-7	C608					3-5	C605														
3	Chứng khoán phái sinh(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C304										1-2	C301							
4	Đầu tư quốc tế(2_2223_2)_01	90	5											6-7	C702						8-10	C702					
5	Digital Marketing(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C402								8-10	C304					
6	Digital Marketing(2_2223_2)_02	70	5									3-5	C301								6-7	C301					
7	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP(2_2223_2)_01	70	5			8-10	C401												1-2	C408							
8	Giám sát và đánh giá dự án(2_2223_2)_01	70	5									1-2	C401								8-10	C401					
9	Kế hoạch phát triển(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C402											1-2	C502						
10	Kế hoạch phát triển(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C402											3-5	C402						
11	Kế toán ngân hàng thương mại(2_2223_2)_01	90	5			6-7	C602														8-10	C308					
12	Kế toán ngân hàng thương mại(2_2223_2)_02	90	5			8-10	C602														6-7	C308					
13	Kế toán tài chính(2_2223_2)_03	90	5			8-10	C304			6-7	C408																
14	Kế toán thuế(2_2223_2)_01	90	5	1-2	C308									8-10	C308												
15	Kế toán thuế(2_2223_2)_02	90	5	3-5	C308									6-7	C308												
16	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh(2_2223_2)_01	90	5													3-5	C504				6-7	C404					
17	Kiểm toán tài chính(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C702			3-5	C702										
18	Kiểm toán tài chính(2_2223_2)_02	70	5									3-5	C703			1-2	C703										
19	Kinh doanh quốc tế(2_2223_2)_01	40	5			6-7	C410							8-10	C410												
20	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_01	70	5									3-5	C704								6-7	C401					

STT	Lớp Môn Tin Chí	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
21	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_03	70	4											6-9	C502												
22	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_04	70	4																1-4	C401							
23	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C401									8-10	C401												
24	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_02	70	5			6-7	C401					3-5	C401														
25	Logistics trong doanh nghiệp(2_2223_2)_01	70	5											8-10	C701						6-7	C701					
26	Marketing căn bản(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C301						8-10	C404															
27	Marketing quốc tế(2_2223_2)_01	90	5	3-5	C304									6-7	C304												
28	Marketing quốc tế(2_2223_2)_02	70	5	1-2	C304									8-10	C304												
29	Marketing quốc tế(2_2223_2)_03	90	5			6-7	C304					3-5	C304														
30	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2_2223_2)_01	90	5													1-2	C402			3-5	C702						
31	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2_2223_2)_02	70	5													3-5	C402					6-7	C702				
32	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C402											6-7	C402				
33	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C402											8-10	C402				
34	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_01	90	5									3-5	C404						1-2	C304							
35	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_02	70	5											8-10	C408	1-2	C301										
36	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_03	70	5											6-7	C408	3-5	C301										
37	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C301							1-2	C504														
38	Pháp luật cạnh tranh(2_2223_2)_01	70	5											8-10	C703	1-2	C604										
39	Pháp luật cạnh tranh(2_2223_2)_02	70	5											6-7	C703	3-5	C303										
40	Pháp luật kinh tế quốc tế(2_2223_2)_01	70	5											6-7	C302					3-5	C302						
41	Pháp luật thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế(2_2223_2)_01	90	5													3-5	C304						1-2	C402			
42	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2_2223_2)_01	40	5	3-5	C508			1-2	C508																		
43	Quản lý dự án đầu tư(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C501											3-5	C501										
44	Quản lý dự án đầu tư(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C501											1-2	C501										
45	Quản lý nhà nước về kinh tế(2_2223_2)_01	90	5									3-5	C702					6-7	C304								
46	Quản lý tài chính công(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C601																		1-2	C608			
47	Quản trị bán hàng(2_2223_2)_01	90	5	3-5	C702											1-2	C702										

STT	Lớp Môn Tin Chi	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
48	Quản trị bán hàng(2_2223_2)_02	70	5	1-2	C703											3-5	C703										
49	Quản trị chiến lược(2_2223_2)_01	90	5							6-7	C304	3-5	C308														
50	Quản trị điều hành chương trình du lịch(2_2223_2)_01	40	5			8-10	C410							6-7	C410												
51	Quản trị học(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C303																	8-10	C303				
52	Quản trị học(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C303																	6-7	C303				
53	Quản trị kinh doanh lễ hành(2_2223_2)_01	40	5									1-2	C410			3-5	C410										
54	Quản trị rủi ro(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C401											6-7	C603				
55	Quản trị rủi ro(2-2223_2)_02	70	5							6-7	C401											8-10	C603				
56	Tài chính quốc tế(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C401													6-7	C408				
57	Tài chính quốc tế(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C401													8-10	C408				
58	Thẩm định dự án đầu tư(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C601	3-5	C608																		
59	Thẩm định dự án đầu tư(2_2223_2)_02	70	5			8-10	C601			6-7	C404																
60	Thẩm định tín dụng(2_2223_2)_01	40	5									3-5	C410			1-2	C410										
61	Thị trường chứng khoán(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C408											1-2	C408										
62	Thị trường chứng khoán(2-2223_2)_02	70	5	1-2	C408											3-5	C408										
63	Thuế(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C304			3-5	C604										
64	Tiếng anh tổng quát 4(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C302																3-5	C408			
65	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_01	50	5					3-5	C410										1-2	C410							
66	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_02	50	5							8-10	C410											6-7	C410				
67	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_03	50	5							6-7	C410								3-5	C410							
68	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_04	50	5					1-2	C410													8-10	C410				
69	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_05	50	5			6-7	C507					3-5	C502														
70	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_06	50	5			8-10	C507					1-2	C601														
71	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_07	50	5	3-5	C507									6-7	C601												
72	Tiếng Anh trong kinh doanh(222_2)_08	50	5	1-2	C507									8-10	C601												
73	Toán cầu hòa và các rủi ro(2_2223_2)_02	70	5							8-10	C502							6-7	C303								
74	Toán cầu hòa và các rủi ro(2_2223_2)_01	70	4					2-5	C501																		

**THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 57/TB-HVCSP.T ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

[illegible]

STT	Lớp Môn Tin Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
21	Kế toán tài chính(222_2)_02	90	5					1-2	C404							3-5	C404										
22	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(2_2223_2)_01	90	5			6-7	C308																	3-5	C308		
23	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(2_2223_2)_02	90	5			8-10	C308																	1-2	C308		
24	Kinh tế công cộng(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C303							1-2	C303										
25	Kinh tế công cộng(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C303							3-5	C302										
26	Kinh tế đầu tư(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C303					3-5	C303														
27	Kinh tế đầu tư(2_2223_2)_02	70	5			8-10	C303					1-2	C303														
28	Kinh tế lượng(2_2223_2)_01	70	5									1-2	C501							8-10	C302						
29	Kinh tế lượng(2-2223_2)_02	70	5									3-5	C501							6-7	C302						
30	Kinh tế môi trường(2-2223_2)_01	70	5			6-7	C402	3-5	C508																		
31	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_03	70	5	3-5	C401									6-7	C401												
32	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C605					8-10	C608																
33	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C605					6-7	C608																
34	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_03	90	5									1-2	C604										3-5	C404			
35	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_01	70	4													1-4	C608										
36	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_02	70	4											6-9	C608												
37	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_03	70	4									1-4	C608														
38	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_04	90	4																					6-9	C404		
39	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_05	90	4							6-9	C702																
40	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_06	90	4					1-4	C702																		
41	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_08	90	4			6-9	C702																				
42	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_09	70	4																1-4	C608							
43	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_10	70	4	1-4	C608																						
44	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223_2)_07	70	4																		6-9	C608					
45	Lý thuyết kinh tế số(2_2223_2)_01	70	4					1-4	C703																		
46	Lý thuyết kinh tế số(2_2223_2)_02	70	4							6-9	C703																
47	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2_2223_2)_01	85	5					3-5	C308							1-2	C302										

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 13 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 57 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐT_A	90	4																1-4	C504							
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐT_B	90	4																		6-9	C504					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐTH	90	4																					6-9	C408		
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) KHPT+KTPT	90	4																				1-4	C504			
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) KTQLC	50	4												1-4	C601											
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) NH	70	4	1-4	C603																						
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTDN	70	4			6-9	C503																				
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTMK_A	70	4					1-4	C603																		
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTMK_B	70	4							6-9	C605																
10	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) TC_A	70	4									1-4	C503														
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) TC_B	70	4											6-9	C503												
12	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) LĐT KD_A	62	4																					6-9	San 2		
13	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) LĐT KD_B	63	4																1-4	San 2							
14	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_NH	60	4																		6-9	San 2					
15	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) PTDLL	50	4							6-9	San 1																
16	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QLC	90	4	1-4	San 1																						
17	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QTDN	70	4					1-4	San 1																		
18	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QTMK_A	80	4											6-9	San 2												
19	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QTMK_B	80	4			6-9	San 1																				
20	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) TMQT_A	75	4																				1-4	San 2			

STT	Lớp Môn Tin Chi	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
21	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_TMQT_B	75	4									1-4	San 1														
22	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTĐN	90	4	1-4	C504																						
23	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTKDS	70	4							6-9	C503																
24	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTKT	90	4			6-9	C504																				
25	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_LĐTKD_A	70	4									1-4	C508														
26	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_LĐTKD_B	70	4											6-9	C508												
27	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_PTDLL	50	4																				1-4	C410			
28	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_QLC	90	4					1-4	C504																		
29	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_TMQT_A	70	4																1-4	C508							
30	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_TMQT_B	70	4																		6-9	C508					
31	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_LĐTKD_A	70	5			6-7	C501			8-10	C501																
32	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_LĐTKD_B	70	5			8-10	C501			6-7	C504																
33	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_TAKT	90	5							8-10	C304								1-2	C402							
34	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTĐN	90	5															3-5	C602			1-2	C502				
35	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTKDS	70	5	1-2	C602																			8-10	C503		
36	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTKT	90	5	3-5	C602																	1-2	C404				
37	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_NH	70	5															1-2	C602			3-5	C608				
38	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_PTDLL	50	5									3-5	C601											6-7	C503		
39	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QLC	90	5							8-10	C602										6-7	C602					
40	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTDN	70	5																		6-7	C502			6-8	C603	
41	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTMK_A	70	5							6-7	C602										8-10	C404					
42	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTMK_B	70	5					3-5	C605							1-2	C401										
43	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TC_A	70	5													1-2	C603						3-5	C603			
44	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TC_B	70	5													3-5	C603						1-2	C603			
45	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TMQT_A	70	5			8-10	C603							6-7	C603												
46	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TMQT_B	70	5			6-7	C603							8-10	C603												
47	Luật Hành chính(2-2223_2)_LĐTKD_A	60	5			8-10	C508			6-7	C508																

STT	Lớp Môn Tin Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
48	Luật Hành chính(2-2223_2) LĐT KD_B	60	5			6-7	C508			8-10	C508																
49	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) ĐT_A	90	5			6-7	C604			8-10	C604																
50	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) ĐT_B	90	5			8-10	C604			6-7	C604																
51	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) ĐTH	90	5									1-2	C602							3-5	C604						
52	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) KHPT+KTPT	90	5					1-2	C604											3-5	C502						
53	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) KTQLC	50	5					3-5	C604											1-2	C502						
54	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) QTDN	70	5									3-5	C602							1-2	C604						
55	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) QTMK_A	70	5													1-2	C503							3-5	C503		
56	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) QTMK_B	70	5													3-5	C503							1-2	C503		
57	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) TC_A	70	5																			6-7	C503			8-10	C401
58	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2) TC_B	70	5																			8-10	C503			6-7	C401
59	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2) TAKT_A	30	5	3-5	C705															4-5	C705						
60	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2) TAKT_B	30	5			6-7	C505															8-10	C507				
61	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2) TAKT_C	30	5			8-10	C505															6-7	C507				
62	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_A	30	5					1-2	C505							3-5	C505										
63	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_B	30	5					3-5	C505							1-2	C505										
64	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_C	30	5											6-7	C505				8-10	C505							
65	Nguyên lý kế toán(2-2223_2) KTKT	90	5									3-5	C504			1-2	C504										
66	Pháp luật đại cương(2-2223_2) TAKT	90	5							6-7	C502	3-5	C604														
67	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_KTĐN	90	5									1-2	C408											3-5	C602		
68	Pháp luật kinh tế(2-2223_2) KTKDS	70	5									3-5	C302											1-2	C602		
69	Pháp luật kinh tế(2-2223_2) KTQLC	50	5											6-7	C409					3-5	C409						
70	Pháp luật kinh tế(2-2223_2) PTDLL	50	5											8-10	C409					1-2	C409						
71	Pháp luật kinh tế(2-2223_2) TMQT_A	80	5	1-2	C302			3-5	C408																		
72	Pháp luật kinh tế(2-2223_2) TMQT_B	80	5	3-5	C302			1-2	C408																		
73	Tiếng Anh cơ bản 3(222_2)_01	50	5	1-2	C505															3-5	C505						
74	Tiếng Anh cơ bản 3(222_2)_02	50	5	3-5	C505															1-2	C505						

[illegible]

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HVCSPT ngày tháng năm 2023 của Học viện Chính sách và Phát triển)

[illegible]

THỜI KHOÁ BIỂU VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2 HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HVCSPT ngày tháng năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tin Chỉ	Số SV	GV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
1	Kinh tế vi mô 2 (2-2223-2)_EN_CLC01	32	TS. Lưu Minh Đức	5					1-2	C305							3-5	C407										
2	Kinh tế vi mô 2 (2-2223-2)_EN_CLC02	32	PGS.TS. Đào Hoàng Tuấn	5	4-5	C305											1-3	C305										
3	Thanh toán quốc tế (2-2223-2)_EN_CLC01	32	TS. Nguyễn Thị Thanh Phương	5							6-8	C307						6-8	C307									
4	Thanh toán quốc tế (2-2223-2)_EN_CLC02	32	TS. Nguyễn Thị Thanh Phương	5							9-10	C307						6-8	C307									
5	Thương mại quốc tế (2-2223-2)_EN_CLC01	32	TS. Lê Phan - Thịnh Giảng	5											6-8	C305										9-10	C307	

THỜI KHOÁ BIỂU VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2 HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HVCSPT ngày tháng năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	GV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
					Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
1	Kinh tế lượng (2-2223-2)_VN_CLC01	44	PGS, TS. Trần Trọng Nguyên	5									1-3	C309											4-5	C309		
2	Kinh tế lượng (2-2223-2)_VN_CLC02	44	PGS, TS. Trần Trọng Nguyên	5									4-5	C309											1-3	C309		
3	Kinh tế lượng (2-2223-2)_VN_CLC03	44	ThS. Nguyễn Văn Tuấn	5											6-8	C309					1-2	C309						
4	Marketing căn bản (2-2223-2)_EN_CLC01	44	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	5					3-5	C307											4-5	C307						
5	Marketing căn bản (2-2223-2)_EN_CLC02	44	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	5													2-3	C309					6-8	C309				

THỜI KHOÁ BIỂU VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2 HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 13
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HVCSPT ngày tháng năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

Đàn nân kem theo Thông báo số /TB-HVCSP ngày tháng năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển																																
STT	Lớp Môn Tin Chi	Số SV	GV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7				Thứ 7			
					Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều	Tiết	GD Sáng	Tiết	GD chiều
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2122-2)_VN_CLC01	47	TS. Ngô Minh Thuận	4	1-4	C405																										
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2122-2)_VN_CLC02	47	TS. Ngô Minh Thuận	4																												
4	Giới thiệu về kinh doanh(2-2122-2)_VN_CLC01	47	ThS. Nguyễn Trần Khánh	5			6-8	C405					3-5	C405													1-4	C407				
5	Giới thiệu về kinh doanh(2-2122-2)_VN_CLC02	47	ThS. Nguyễn Trần Khánh	5			9-10	C405							6-8	C405																
7	Tiếng Anh IELTS 1.3 (2-2223-1) EN CLC PRE-IELTS	24	ThS. Nguyễn Thị Hồng Mến	4													Tối	online							1-4	C405			6-9	C405		